

Số: 1904/2024/CV-ATS

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO**

Trụ sở chính : thôn Phù Long Ba, xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội

Điện thoại : 02473059886

Website : <http://www.atesco.vn>

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Sỹ Cường, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco

Email : atescovn@gmail.com

Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính Quý I năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco

Các tài liệu này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco vào ngày 19/04/2023 tại đường dẫn: <http://atesco.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính Quý I năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**


Lê Sỹ Cường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Quý I năm 2024

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo tài chính đã được lập:	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính Quý I.2024 của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19, ngày 12/05/2023 và cũng là bản điều chỉnh gần đây nhất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng); tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Thái	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 28/01/2022 Bổ nhiệm Chủ tịch ngày 24/05/2022
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Thành viên HĐQT Độc lập	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Thanh Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Ông Đỗ Văn Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022
Bà Nguyễn Thị Thiên Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Lãi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/01/2022 Miễn nhiệm ngày 26/04/2023
Ông Lê Sỹ Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/04/2023
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2022

Người đại diện trước pháp luật của Công ty:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Sỹ Cường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Địa chỉ: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính Quý I đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính Quý I.2024 của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 ngày 31.03.2024

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính Quý I phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31.03.2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính Quý I.2024 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính Quý I.2024 trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính Quý I.2024, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính Quý I.2024 và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính Quý I.2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lê Sỹ Cường

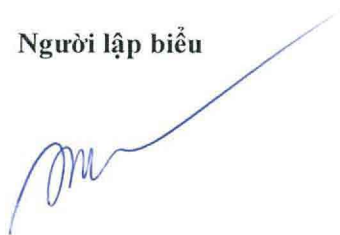
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.871.049.588	12.686.247.990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.633.829	6.907.158
1. Tiền	111		2.633.829	6.907.158
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.359.023.258	4.637.577.858
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	3.348.023.300	4.626.577.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	2.685.972.300	2.685.972.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.a	10.999.958	10.999.958
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(2.685.972.300)	(2.685.972.300)
IV. Hàng tồn kho	140	8	140.013.821	68.206.939
1. Hàng tồn kho	141		140.013.821	68.206.939
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.369.378.680	7.973.556.035
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	7.573.146	13.214.993
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.361.805.534	7.960.341.042
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.710.000.000	37.710.029.296
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.b	-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	-	-
- Nguyên giá	222		101.348.000	101.348.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(101.348.000)	(101.348.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	37.710.000.000	37.710.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		37.710.000.000	37.710.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	29.296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	-	29.296
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.581.049.588	50.396.277.286

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024
 (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND	
				Số đầu năm	
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.124.591.625	6.942.126.957	
I. Nợ ngắn hạn	310		6.124.591.625	6.942.126.957	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3.897.753.634	4.977.012.293	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	59.935.409	67.537.882	
3. Phải trả người lao động	314		2.085.084.400	1.815.758.600	
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		81.818.182	81.818.182	
II. Nợ dài hạn	330		-	-	
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.456.457.963	43.454.150.329	
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	43.456.457.963	43.454.150.329	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.456.457.963	8.454.150.329	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		8.454.150.329	8.223.274.683	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.307.634	230.875.646	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-	
1. Nguồn kinh phí	431		-	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		49.581.049.588	50.396.277.286	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Sỹ Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ I/2024

CHỈ TIÊU	MÓ SỐ	TM	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý I/ 2024	Quý I/ 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4	5		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	10.871.784.250	9.937.711.450	10.871.784.250	9.937.711.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		10.871.784.250	9.937.711.450	10.871.784.250	9.937.711.450
4. Giá vốn hàng bán	11	16	10.153.950.768	9.476.738.179	10.153.950.768	9.476.738.179
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		717.833.482	460.973.271	717.833.482	460.973.271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	68.483	211.501	68.483	211.501
7. Chi phí tài chính	22			0	0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				0	0
8. Chi phí bán hàng	25				0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	468.474.922	415.022.751	468.474.922	415.022.751
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		249.427.043	46.162.021	249.427.043	46.162.021
11. Thu nhập khác	31			0	0	0
12. Chi phí khác	32	22	197.234.000	4.739.880	197.234.000	4.739.880
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(197.234.000)	(4.739.880)	(197.234.000)	(4.739.880)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.193.043	41.422.141	52.193.043	41.422.141
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	49.885.409	9.232.404	49.885.409	9.232.404
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.307.634	32.189.737	2.307.634	32.189.737
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	24	1	9	1	9
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Lê Sỹ Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Phương pháp trực tiếp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND
Kỳ này
Kỳ trước

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	12.150.407.333	10.496.349.402
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(10.695.715.380)	(8.144.574.509)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(1.129.629.400)	(1.771.502.200)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(58.903.882)	(60.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	-	32.009.424.657
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(270.432.000)	(154.835.098)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.273.329)	32.374.862.252
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.700.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	5.700.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(211.051)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(4.273.329)	38.074.651.201
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.907.158	145.878.117
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2.633.829	38.220.529.318

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Hà

Lê Sỹ Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày Quý I năm 2024

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính Quý I. 2024)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giải trí Mùa Thu) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm ATESCO và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19, ngày 12/05/2023 và cũng là bản điều chỉnh gần đây nhất.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng); tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Số cán bộ công nhân viên: 48 người

Lĩnh vực kinh doanh:

Các hoạt động chính của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khung thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Mục đích lập Báo cáo tài chính

Công ty lập Báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Theo đó, Công ty cũng đã lập Báo cáo Tài chính của Công ty cho kỳ kế toán thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 ..

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 04 - 05 năm

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.15. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

-
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	447.479	2.764.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.186.350	4.142.279
	<u>2.633.829</u>	<u>6.907.158</u>

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam	3.348.023.300	4.203.675.450
Cộng	<u>3.348.023.300</u>	<u>4.203.675.450</u>

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	2.685.972.300	2.685.972.300
Công ty CP thực phẩm thảo nguyên xanh	1.654.917.300	1.654.917.300
Công ty CP xuất nhập khẩu và kiến trúc Greendetech	951.055.000	951.055.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng Châu	80.000.000	80.000.000
Cộng	<u>2.685.972.300</u>	<u>2.685.972.300</u>

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	10.999.958	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	10.999.958	-	10.999.958	-
Phải thu khác ngắn hạn (*)	-	-	-	-
<i>Lãi hợp tác kinh doanh</i>	-	-	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Phải thu khác dài hạn	-	-	-	-
<i>Công ty cổ phần Phát triển Hệ thống Việt</i>	-	-	-	-
Cộng	<u>10.999.958</u>	<u>-</u>	<u>10.999.958</u>	<u>-</u>

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP thực phẩm thảo nguyên xanh	1.654.917.300	1.654.917.300	1.654.917.300	1.654.917.300
Công ty CP xuất nhập khẩu và kiến trúc Greendetech	951.055.000	951.055.000	951.055.000	951.055.000
Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Quảng Châu	80.000.000	56.000.000	80.000.000	80.000.000
Cộng	2.685.972.300	2.661.972.300	2.685.972.300	2.685.972.300

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	140.013.821	-	68.206.939	-
Cộng	140.013.821	-	68.206.939	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	101.348.000	101.348.000
Số dư cuối năm	101.348.000	101.348.000
Hao mòn TSCĐ		
Số dư đầu năm	98.868.086	98.868.086
Số tăng trong năm	-	2.479.914
- Trích khấu hao trong năm	2.479.914	2.479.914
Số dư cuối năm	101.348.000	101.348.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.479.914	2.479.914
Số cuối năm	-	-

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem đi thế chấp tại 31/12/2023 là: 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 0 VND.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	13.214.993	-
- Công cụ dụng cụ	13.214.993	
b. Dài hạn	-	3.662.632
- Công cụ dụng cụ	-	3.662.632
Cộng	13.214.993	3.662.632

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP TMDV và Xây dựng Trường Thịnh	424.848.432	424.848.432	1.099.067.490	1.099.067.490
Công Ty TNHH Phúc Khang Hải Dương	587.472.400	587.472.400	640.895.150	640.895.150
Công Ty TNHH Thực phẩm Dũng Lan	286.111.200	286.111.200	447.780.400	447.780.400
Công ty TNHH Cung ứng khí hóa lỏng Hà Nội	113.167.660	113.167.660	409.127.855	409.127.355
Công ty TNHH TMDV thực phẩm An Hà	157.812.116	157.812.116	400.752.508	400.752.508
Hộ kinh doanh Đoàn Hương Giang	84.735.000	84.735.000	382.593.705	382.593.705
Công ty TNHH QT Food	905.289.696	905.289.696	365.577.268	365.577.268
Phải trả người bán khác	1.338.317.130	1.338.317.130	60.434.280	60.434.280
Cộng	3.897.753.634	3.897.753.634	3.806.228.656	3.806.228.656

(*) Đây là khoản phải trả công ty cổ phần Hoàng Mai Xanh về tiền mua nguyên liệu (sữa bột, đường tinh luyện, hương liệu, vận tải,...) theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2018/HMX-HNM ngày 01/7/2018.

b. Dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	37.710.000.000	-	43.410.000.000	-
Công ty Cổ phần Dealta (1)	19.300.000.000 (*)	-	19.300.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Quang Nguyễn Land (2)	8.960.000.000 (*)	-	8.960.000.000	-
Công ty CP được và thiết bị y tế T.N.T (3)	9.450.000.000 (*)	-	9.450.000.000	-
Cộng	37.710.000.000	-	43.410.000.000	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị có liên quan

Công ty Cổ phần Dealta 19.300.000.000

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Delta với 193.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần tương ứng với 9,65% Vốn điều lệ.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Quang Nguyễn Land với 896.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần tương ứng với 44,8% Vốn điều lệ.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty CP được và thiết bị y tế T.N.T với 94.500 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần tương ứng với 31,5% Vốn điều lệ.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2023 như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
---------	----------------------------	---------------	------------------------	----------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối năm	
	Số phải trả	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	58.903.882	49.885.409	58.903.882	-	49.885.409
Thuế Thu nhập cá nhân	-	8.634.000	10.050.000	8.634.000	-	10.050.000
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	67.537.882	63.935.409	71.537.882	-	59.935.409

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	-	-	8.223.274.683	43.223.274.683
- Lãi trong năm trước	-	-	-	230.875.646	230.875.646
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	-	-	8.454.150.329	43.454.150.329
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	-	-	8.454.150.329	43.454.150.329
- Lãi trong năm	-	-	-	2.307.634	2.307.634
Số dư cuối năm	35.000.000.000	-	-	8.456.457.963	43.456.457.963

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phù Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	Số tiền (MG)	%	Số tiền (MG)	%
Các cổ đông khác	35.000.000.000	100,00%	35.000.000.000	100,00%
Cộng	35.000.000.000	100,00%	35.000.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi bằng cổ phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm:	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp suất ăn	10.871.784.250	9.937.711.450
Cộng	10.871.784.250	9.937.711.450

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp suất ăn	10.871.784.250	9.937.711.450
Cộng	10.871.784.250	9.937.711.450

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp suất ăn	10.153.950.768	9.476.738.179
Cộng	10.153.950.768	9.476.738.179

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý I năm 2024</u>	<u>Quý I năm 2023</u>
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	68.483	211.501
- Lãi từ hợp tác đầu tư	-	-
Cộng	68.483	211.501

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý I năm 2024</u>	<u>Quý I năm 2023</u>
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền vay	-	-
Cộng	-	-

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Quý I năm 2024</u>	<u>Quý I năm 2023</u>
	VND	VND
- Chi phí vật tư văn phòng, CCDC	2.189.142	2.641.668
- Chi phí nhân công	391.772.000	362.542.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.479.914
- Chi phí dự phòng	-	-
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	5.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	388.463
- Chi phí khác bằng tiền	70.513.780	41.970.706
Cộng	468.474.922	415.022.751

21. THU NHẬP KHÁC

	<u>Quý I năm 2024</u>	<u>Quý I năm 2023</u>
	VND	VND
- Thu nhập khác	-	-
Cộng	-	-

22. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Quý I năm 2024</u>	<u>Quý I năm 2023</u>
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	197.234.000	4.739.880
Cộng	197.234.000	4.739.880

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Nội dung	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	52.193.043	41.422.141
Các khoản điều chỉnh tăng	197.234.000	4.739.880
- Các khoản chi phí khác	197.234.000	4.739.880
Thu nhập chịu thuế TNDN	249.427.043	46.162.021
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	49.885.409	9.232.404
Chi phí thuế TNDN quý I	49.885.409	9.232.404
Truy thu thuế	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	49.885.409	9.232.404

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.307.634	32.189.737
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.307.634	32.189.737
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,66	9,20

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.633.829	-	6.907.158	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.359.023.258	2.685.972.300	4.637.577.858	2.685.972.300
Đầu tư dài hạn	37.710.000.000	37.710.000.000	5.700.000.000	-
Cộng	41.071.657.087	40.395.972.300	10.344.485.016	2.685.972.300

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	3.897.753.634	-	4.977.012.293	-
Chi phí phải trả	81.818.182	-	81.818.182	-
Cộng	3.979.571.816	-	5.058.830.475	-

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.633.829	-	-	2.633.829
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.359.023.258	-	-	3.359.023.258
Đầu tư dài hạn		37.710.000.000		37.710.000.000
Cộng	3.361.657.087	37.710.000.000	-	41.071.657.087
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.907.158	-	-	6.907.158
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.637.577.858	-	-	4.637.577.858
Cộng	4.644.485.016	-	-	4.644.485.016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.897.753.634	-	-	3.897.753.634
Chi phí phải trả	81.818.182	-	-	81.818.182
Cộng	3.979.571.816	-	-	3.979.571.816
Số đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.977.012.293	-	-	4.977.012.293
Chi phí phải trả	81.818.182	-	-	81.818.182
Cộng	5.058.830.475	-	-	5.058.830.475

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM ATESCO

Thôn Phú Long Ba, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa, thành phẩm	Cung cấp dịch vụ	Khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	10.871.784.250	-	-		10.871.784.250
Chi phí bộ phận	10.153.950.768	-	-		10.153.950.768
Kết quả kinh doanh bộ phận	717.833.482	-	-		717.833.482
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					468.474.922
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					249.358.560
Doanh thu hoạt động tài chính					68.483
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					197.234.000
Thuế TNDN hiện hành					49.885.409
Lợi nhuận sau thuế					2.307.634

28. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối Quan hệ
Công ty cổ phần Delta	Ông Phạm Thanh Tùng - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Delta là cháu ruột Ông Phạm Quang Khánh - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

b. Giao dịch với bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Phạm Trần Ngọc Anh Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Delta		19.300.000.000

- Thu nhập của HĐQT, ban tổng GD Quý I năm 2024

	Tiền lương	Phụ cấp HĐQT, BKS
Ông Phạm Anh Tuấn	118.050.000	-

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

29. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

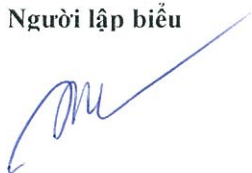
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 được lập dựa trên giả thiết công ty Cổ phần Tập đoàn dược phẩm Atesco hoạt động kinh doanh liên tục.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính quý I năm 2023 do Công ty lập chưa được kiểm toán.

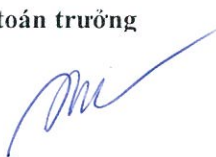
Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà



Tổng Giám đốc



Lê Sỹ Cường